

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về giao nhiệm vụ, ủy quyền một số nội dung trong quản lý, thực hiện dự án đầu tư công, dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 10/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đấu thầu ngày 26/11/2014; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 2994/SKHĐT-ĐT ngày 18/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về giao nhiệm vụ, ủy quyền một số nội dung trong quản lý, thực hiện dự án đầu tư công, dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / 

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Nghệ An, Đài PT&TH Nghệ An;
- TT công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CN(TP, CV N.A.Tuần).



CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Trung

QUY ĐỊNH

Về giao nhiệm vụ, ủy quyền một số nội dung trong quản lý, thực hiện dự án đầu tư công, dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 25.56./QĐ-UBND ngày 18. tháng 8...năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này giao nhiệm vụ, ủy quyền một số nội dung trong quản lý và thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, gồm:

a) Giao cơ quan, đơn vị thực hiện các nội dung: thẩm định chủ trương đầu tư, tham mưu giao nhiệm vụ chủ đầu tư, thẩm định dự toán chuẩn bị dự án, thẩm định dự án, thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với:

- Dự án đầu tư công;

- Dự án sửa chữa công trình, bảo trì công trình giao thông, thủy lợi sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo quy định hiện hành, trừ các dự án (hoặc dự toán) thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và lĩnh vực tài nguyên môi trường (sau đây gọi tắt là dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên).

b) Ủy quyền một số nội dung trong quyết định đầu tư, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công và sử dụng kinh phí chi thường xuyên.

2. Đối tượng áp dụng.

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến quá trình quản lý, thực hiện dự án đầu tư công, dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.



CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

MỤC I. GIAO CƠ QUAN THAM MURU, THẨM ĐỊNH

Điều 2. Thẩm định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

a) Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án nhóm A.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án nhóm B, nhóm C.

2. Các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án nhóm B, nhóm C gồm:

a) Sở, cơ quan quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực có ý kiến thẩm định các nội dung tại các khoản 1, 2, 5, 6, 8 Điều 31 Luật Đầu tư công năm 2019 và ý kiến khác (nếu có). Riêng đối với cơ quan chuyên môn về xây dựng (các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam) có ý kiến thẩm định đối với dự án có cấu phần xây dựng gồm: Quy mô dự án; sự phù hợp với quy hoạch xây dựng; sơ bộ thiết kế cơ sở (nếu có); khái toán xây dựng công trình và ý kiến khác liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý (nếu có).

b) Sở Tài chính có ý kiến thẩm định các nội dung: Nguồn vốn và khả năng cân đối các nguồn vốn khác (ngoài kế hoạch vốn đầu tư công) để thực hiện dự án; sự phù hợp của đề nghị đầu tư trang thiết bị với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg (hoặc khi có quyết định điều chỉnh, bổ sung, thay thế Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg) để xác định quy mô đầu tư, tổng mức đầu tư và ý kiến khác liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý (nếu có).

c) Cơ quan, đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư có ý kiến thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn thu hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị.

Điều 3. Cơ quan tham mưu giao nhiệm vụ chủ đầu tư dự án đầu tư công

Sau khi có nghị quyết (hoặc quyết định) chủ trương đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền (trừ các dự án đã được giao cơ quan, đơn vị thực hiện chuẩn bị đầu tư tại chủ trương đầu tư), giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu giao nhiệm vụ chủ đầu tư dự án, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.



Điều 4. Thẩm định dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư/chuẩn bị dự án đầu tư công

1. Đối với chi phí chuẩn bị dự án có cấu phần xây dựng (trừ dự toán chi phí thuê tư vấn nước ngoài): Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoặc Chủ đầu tư tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

2. Đối với dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng.

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Làm cơ quan thường trực tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án nhóm A;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thẩm định, tổng hợp kết quả thẩm định và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án nhóm B, nhóm C.

b) Các cơ quan phối hợp thẩm định dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án nhóm B, nhóm C: Sở quản lý chuyên ngành (có chuyên ngành phù hợp với tính chất, nội dung của dự án) chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung và dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án. Các Sở: Tài chính; Lao động, Thương binh và Xã hội; Khoa học và Công nghệ và cơ quan, đơn vị liên quan có ý kiến thẩm định về các nội dung thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành.

Điều 5. Thẩm định dự án đầu tư công, dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên

1. Đối với dự án có cấu phần xây dựng.

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thuộc chuyên ngành theo quy định tại khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (trừ chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng). Nội dung thẩm định theo quy định tại Điều 57 và Điều 58 Luật Xây dựng (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 và khoản 15 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng) trừ nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định về nguồn vốn, khả năng cân đối vốn thực hiện dự án, tiến độ thực hiện dự án và phân kỳ đầu tư (nếu có), hiệu quả về kinh tế - xã hội, tổng hợp chi phí đền bù giải phóng mặt bằng vào tổng mức đầu tư dự án; Tổng hợp kết quả thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư, trường hợp dự án đầu tư công khẩn cấp thì trình Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh việc thực hiện tại kỳ họp gần nhất.

c) Chủ đầu tư chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện lập phương án và chịu trách nhiệm về tính chính xác chi phí đền bù giải phóng mặt bằng (nếu có).

2. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng.

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Làm cơ quan thường trực tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định dự án nhóm A;



- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thẩm định dự án nhóm B, nhóm C; Tổng hợp kết quả thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư, trường hợp dự án đầu tư công khẩn cấp thì trình Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh việc thực hiện tại kỳ họp gần nhất.

b) Các Sở quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực (phù hợp với tính chất, nội dung của dự án, trừ dự án quy định tại điểm c khoản này) chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định dự án nhóm B, nhóm C theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Đầu tư công, khoản 4 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP và các quy định của pháp luật liên quan.

c) Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế cơ sở của Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm B, nhóm C; thiết kế chi tiết của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Đầu tư công, khoản 4 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP và Điều 20 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. Trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông được giao nhiệm vụ làm Chủ đầu tư dự án, giao Sở Thông tin và Truyền thông thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định theo quy định.

d) Các Sở: Tài chính; Khoa học và Công nghệ; Lao động - Thương binh và Xã hội và cơ quan, đơn vị liên quan có ý kiến thẩm định dự án nhóm B, nhóm C về các nội dung thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Đầu tư công, khoản 4 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP và các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 6. Thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở

1. Đối với dự án có cấu phần xây dựng.

Các cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định tại Điều 83a Luật Xây dựng (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng) và theo quy định về phân cấp của cấp có thẩm quyền (nếu có). Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều 83 Luật Xây dựng, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 25 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

2. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng.

a) Sở quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực (phù hợp với tính chất, nội dung của dự án) chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thẩm định thiết kế chi tiết và dự toán của dự án liên quan đến trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành.

b) Các Sở ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp Cơ quan chủ trì thẩm định thiết kế chi tiết và dự toán của dự án liên quan đến trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành.



MỤC II. ỦY QUYỀN MỘT SỐ NỘI DUNG TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Điều 7. Nội dung ủy quyền

1. Ủy quyền một số nội dung trong quá trình thực hiện dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên, có tổng mức đầu tư từ 500 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh như sau:

a) Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã (UBND cấp huyện) quyết định đầu tư, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành các dự án công trình giao thông, công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (trừ công trình hồ, đập và các công trình thủy lợi chịu áp khác từ cấp III trở lên) có phạm vi trên một địa bàn huyện, do huyện quản lý công trình trong phạm vi nguồn kinh phí được UBND tỉnh phân bổ cho từng dự án.

b) Giám đốc Sở Xây dựng quyết định đầu tư các dự án theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

c) Giám đốc Sở Giao thông vận tải quyết định đầu tư các dự án theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, trừ các dự án được ủy quyền tại điểm a khoản 1 Điều này.

d) Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định đầu tư các dự án theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, trừ các dự án được ủy quyền tại điểm a khoản 1 Điều này.

đ) Giám đốc Sở Công Thương quyết định đầu tư các dự án theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

e) Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam quyết định đầu tư các dự án theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

f) Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này.

2. Ủy quyền Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với dự án đầu tư công có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng (trừ các dự án sử dụng vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 đã được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền tại Quyết định số 3294/QĐ-UBND ngày 25/10/2022), dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên có tổng mức đầu tư từ 500 triệu đồng đến dưới 15 tỷ đồng (trừ dự án được ủy quyền tại điểm a khoản 1 Điều này).

Điều 8. Thời hạn, điều kiện ủy quyền và trách nhiệm người được ủy quyền

1. Thời hạn ủy quyền: Cho đến khi có văn bản quy định mới của người có thẩm quyền về nội dung ủy quyền hoặc quy định mới của cấp trên đối với nội dung liên quan.

2. Điều kiện và trách nhiệm người được ủy quyền.

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về các nội dung được ủy quyền.

b) Chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư, thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đúng quy định pháp luật hiện hành; đồng thời, chịu trách nhiệm và chỉ đạo kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực của cơ quan mình bảo đảm thực hiện nội dung được ủy quyền (bao gồm cả việc tổ chức thẩm định, thẩm tra trước khi phê duyệt).

c) Chịu trách nhiệm quyết định phê duyệt thay đổi, điều chỉnh, bổ sung hoặc tạm dừng, đình chỉ thực hiện dự án đối với nội dung được ủy quyền (kể cả trách nhiệm tổ chức thẩm định của người quyết định đầu tư); không được thực hiện ủy quyền tiếp đối với nội dung đã được ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

d) Dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên được thẩm định, phê duyệt một lần cho tất cả các hạng mục công trình xây dựng của cơ quan, đơn vị được giao dự toán trong năm (không chia tách các hạng mục công trình làm nhiều dự án).

đ) Trong vòng 07 ngày kể từ ngày ban hành các quyết định liên quan, người được ủy quyền phải gửi quyết định đến UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án đầu tư công) và Sở Tài chính (đối với dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên) để tổng hợp, theo dõi.

3. Xử lý chuyển tiếp: Các dự án đã được người có thẩm quyền quyết định đầu tư trước thời điểm quyết định này có hiệu lực, thì người được ủy quyền quyết định các nội dung còn lại trong quá trình thực hiện dự án.

CHƯƠNG III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ngành, UBND cấp huyện và đơn vị liên quan chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Nghệ An rà soát, điều chỉnh, bổ sung và công bố các thủ tục hành chính; xây dựng và công khai quy chế làm việc liên quan của cơ quan theo quy định hiện hành.

2. Các chủ đầu tư và cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện Quy định này.

3. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc yêu cầu cần phải sửa đổi, bổ sung, các ngành, các cấp, cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, xử lý theo quy định./.

